

Phụ lục

Lưu ý một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

(Kèm theo Công văn số /SNV-TCCC ngày / /2026 của Sở Nội vụ)

1. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh

a) Về nhiệm vụ quyền hạn của Sở

Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 4

“11. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng; phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở”.

b) Về cấp phó của người đứng đầu sở và số lượng cấp phó của các tổ chức thuộc sở

Tại thời điểm sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể nhiều hơn số lượng so với quy định. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực, số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp thực hiện đúng quy định, cụ thể như sau:

“2. Số lượng Phó Giám đốc sở

a) Số lượng Phó Giám đốc sở được bố trí bình quân 03 người/sở;

b) Các sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 01 người hoặc khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 02 người so với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Trường hợp sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì số lượng Phó Giám đốc sở sau hợp nhất, sáp nhập được tăng thêm 01 người;

d) Trường hợp sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền và tiếp tục thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 02 người hoặc hợp nhất, sáp nhập 03 đơn vị hành chính cấp tỉnh thì

số lượng Phó Giám đốc sở được tăng thêm 03 người so với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

đ) Trường hợp các sở đặc thù không thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh thì số lượng Phó Giám đốc sở thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

e) Đối với thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Ngoài tổng số lượng Phó Giám đốc theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này thì được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc;

g) Căn cứ vào tiêu chí, nguyên tắc xác định số lượng cấp phó quy định tại Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định tổng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và quyết định số lượng cấp phó cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền.

3. Số lượng Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở

a) Phòng thuộc sở có dưới 10 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng; có từ 10 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng; có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng;

b) Các phòng thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập các sở theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì số lượng Phó Trưởng phòng được tăng thêm như điều chỉnh đối với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này so với số lượng Phó Trưởng phòng của phòng có số lượng cấp phó cao nhất được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Số lượng Phó Chánh Văn phòng sở được thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Số lượng Phó Chi cục trưởng thuộc sở

a) Chi cục thuộc sở có từ 01 đến 03 phòng và tương đương được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng; không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng;

b) Các chi cục thực hiện hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện hợp nhất, sáp nhập các sở theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì số lượng Phó Chi cục trưởng được tăng thêm như đối với Phó Trưởng phòng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này. Các phòng thuộc chi cục thuộc sở thực hiện hợp nhất, sáp nhập cùng với việc hợp nhất, sáp nhập sở theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này thì số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở sau hợp nhất, sáp nhập được tăng thêm như điều chỉnh đối với số lượng Phó Giám đốc sở quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều này so với số lượng Phó

Trưởng phòng của phòng có số lượng cấp phó cao nhất được xác định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này”.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Về vị trí và chức năng của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11

“1. Phòng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã. Phòng có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật”.

b) Về số lượng Phó Trưởng phòng của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

“3. Số lượng Phó Trưởng phòng

a) Số lượng Phó Trưởng phòng được tính trên nguyên tắc bình quân 02 cấp phó/phòng.

b) Căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và số lượng phòng chuyên môn được thành lập, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn thuộc phạm vi quản lý.”.

c) Về các phòng chuyên môn được tổ chức ở cấp xã

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Lĩnh vực Văn phòng, gồm: Chương trình, kế hoạch công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; tham mưu hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân; công tác chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; cung cấp thông tin, bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện công tác quản trị nội bộ của Văn phòng”.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 như sau:

“c) Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin, gồm: Văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo; in; phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin (không bao gồm an toàn thông tin, an ninh mạng); giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng thông tin”.

d) Về khung số lượng phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Sửa đổi, bổ sung Điều 16

“1. Căn cứ các nhóm ngành, lĩnh vực được quy định tại Điều 15 Nghị định này và các tiêu chí về phân loại đơn vị hành chính, quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển, điều kiện kinh tế - xã hội, phân cấp, phân quyền giữa các cấp chính quyền địa phương và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung số lượng và tên gọi các phòng chuyên môn được áp dụng tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm không vượt quá bình quân 4,5 tổ chức (bao gồm: các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) trên 01 đơn vị hành chính cấp xã; riêng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm không vượt quá bình quân 4,7 tổ chức (bao gồm: các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công) trên 01 đơn vị hành chính cấp xã.

2. Việc quyết định thành lập các phòng chuyên môn do chính quyền địa phương cấp xã quyết định. Trường hợp các đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì bố trí các công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực theo quy định.

... ”.

d) Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Sửa đổi, bổ sung Điều 21

“Điều 21. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể phòng chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

2. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ quản lý ngành, lĩnh vực; căn cứ số lượng phòng chuyên môn được thành lập và số lượng Phó Trưởng phòng bình quân của phòng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13, quyết định cụ thể số lượng Phó Trưởng phòng của từng phòng chuyên môn thuộc phạm vi quản lý.

..... ”./.